

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 14 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Thập

Ông Hoàng Văn Chính

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nhất – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

HOÀNG VĂN T1, sinh năm 1993 tại huyện LY, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn TM, xã VT, huyện QB, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: 01 (ngày 30/5/2017 bị Công an xã VT, huyện QB xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng; Hoàng Văn T1 chưa chấp hành Quyết định này); nhân thân: Ngày 06/6/2016 bị Công an huyện Quang Bình xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, Hoàng Văn T1 đã nộp tiền phạt ngày 15/6/2016, đã được xóa tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Anh Lý Văn H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn B, xã TY, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Anh Tạ Văn V, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn TB, xã TY, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Người làm chứng:

Anh Phạm Văn V, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn TM, xã VT, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn TB, xã TY, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Anh Lục Đức T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn NT, xã KT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

Anh Nông Văn K, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn TB, xã TY, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 15/12/2017, tại quán bi a ở Thôn TB, xã TY, huyện QB của anh Hoàng Văn T3, các anh Lý Văn H và Phạm Văn V đang chơi bi a với nhau thì xảy ra mâu thuẫn, xô xát đánh nhau nhưng được anh Hoàng Văn T2 (là anh trai của anh T3) đang trông quán cho anh T3 can ngăn nên không đánh nhau nữa nhưng vẫn có lời nói thách thức nhau. Hoàng Văn T1 (là bạn của anh V) đang chơi tại quán bi a của anh Tạ Văn V ở cùng thôn, cách quán của anh T3 khoảng 50m, nghe thấy ồn ào đánh nhau tại quán của anh T3 nên T1 cầm theo một chiếc gậy bi a màu vàng nhạt dài 140cm đến quán của anh T3. Khi đến nơi, thấy anh H và anh V đang cãi nhau, T1 tiến đến trước mặt anh H, cách khoảng 01m, dùng hai tay cầm chiếc gậy bi a, giơ gậy lên đánh 01 phát thẳng từ trên xuống dưới, trúng vào đỉnh đầu của anh H làm chiếc gậy gãy làm đôi, phần đầu nhỏ rơi xuống đất còn phần đầu lớn thì T1 vẫn cầm trên tay. Khi anh H lùi lại, T1 tiến lên và tiếp tục dùng tay phải cầm phần đầu lớn còn lại của chiếc gậy bi a đánh nhiều phát vào đầu và người của anh H, trong đó trúng vào đỉnh đầu của anh H khoảng 02 đến 03 phát. Khi bị T1 đánh, anh H cũng chống trả lại T1 nhưng không trúng. T1 và anh H tiếp tục xô xát, giằng co nhau, thấy đầu của anh H bị chảy máu và được mọi người can ngăn nên T1 bỏ ra ngoài, còn đoạn gậy bi a T1 để rơi ở trong quán. Anh H vẫn đi theo níu giữ T1 và có dùng tay đấm 02 phát vào má của T1 nhưng T1 không đánh trả lại và cùng anh V đi về. Anh H được anh Lục Đức T đưa đến bệnh viện để điều trị.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình đã ra Quyết định trưng cầu giám định về thương tích của anh Lý Văn H.

Theo Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 126/TgT ngày 02/01/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang thì vùng trán đỉnh của anh H có hai sẹo:

“ - Sẹo 1 kích thước 3,5cm x 0,1cm, sẹo bằng mặt da, màu hồng, không ảnh hưởng đến thẩm mỹ: 1%.

- Sẹo 2 kích thước 3cm x 0,1cm, sẹo mờ bằng mặt da, màu hồng, không ảnh hưởng đến thẩm mỹ: 1%”.

Và “Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 2% (hai phần trăm)”.

Ngày 25/01/2018, anh Lý Văn H có đơn đề nghị xử lý về hình sự đối với Hoàng Văn T1 do đã gây thương tích cho anh H.

Về vật chứng: Đã thu giữ 01 đoạn gậy bi a bằng gỗ, dài 73cm, hai đầu màu vàng nhạt, giữa màu đen, đầu lớn có chu vi 10cm, đầu nhỏ có chu vi 07cm.

Còn phần còn lại của gây bị a mà Hoàng Văn T1 dùng để đánh anh H (phần đầu nhỏ) thì bị thất lạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không thấy.

Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận về bồi thường thiệt hại. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo và bị hại thỏa thuận nhất trí mức bồi thường thiệt hại do bị cáo đã gây thương tích cho bị hại là 13.000.000 đồng; vì bị cáo đã bồi thường cho bị hại được 5.000.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp cho bị hại 8.000.000 đồng và phải trả lãi nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại trong bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án là anh Tạ Văn V không yêu cầu Hoàng Văn T1 bồi thường thiệt hại do đã làm hỏng chiếc gây bị a của quán của anh mà T1 đã tự ý sử dụng để gây thương tích cho anh H.

Công an huyện Quang Bình đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 700.000 đồng) về hành vi đánh nhau đối với các anh Phạm Văn V và Lý Văn H.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 02/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình đã truy tố Hoàng Văn T1 về tội Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T1 phạm tội Cố ý gây thương tích; đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104, các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo từ 07 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy vật chứng do không còn giá trị sử dụng; áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 và các điều 357, 468, 584, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 để công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về bồi thường thiệt hại; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị hại không nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên về hình phạt, đề nghị phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Bị cáo nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên và thấy việc gây thương tích cho bị hại là sai trái, vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo và bị hại giữ nguyên ý kiến đã nêu trong thỏa thuận trước khi mở phiên tòa, đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại trong bản án theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quang Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có hành vi như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi liên quan đến vụ án và lời khai của những người làm chứng; phù hợp với các biên bản khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm hiện trường, phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Tối ngày 15/12/2017, nghe thấy ồn ào đánh nhau tại quán của anh Hoàng Văn T3 nên bị cáo cầm một chiếc gậy bi a từ quán của anh Tạ Văn V cách đó khoảng 50m đến quán của anh T3. Khi đến nơi, thấy anh Lý Văn H và bạn mình là Phạm Văn V đang cãi nhau, bị cáo đã dùng chiếc gậy bi a đánh 01 phát trúng vào đỉnh đầu của anh H làm chiếc gậy gãy làm đôi, phần đầu nhỏ rơi xuống đất; sau đó bị cáo tiếp tục dùng phần đầu lớn còn lại của chiếc gậy bi a đánh nhiều phát vào đầu và người của anh H, trong đó trúng vào đỉnh đầu của anh H khoảng 02 đến 03 phát. Bị cáo đã sử dụng gậy bi a, là một hung khí nguy hiểm dễ gây thương tích cho anh H với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý, đã gây thương tích cho anh H, xâm phạm đến quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người, là khách thể được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Hành vi này của bị cáo xảy ra trước ngày 01/01/2018, là ngày mà Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật; khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội Cố ý gây thương tích có quy định về khung hình phạt tương đương với quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội Cố ý gây thương tích và không có quy định nào có lợi cho bị cáo trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử thấy Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt tù cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3] Về hình phạt, Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo 07 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, còn bị hại đề nghị áp dụng hình phạt tù. Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, còn một Quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa chấp hành, tuy không trực tiếp có mâu thuẫn với anh Lý Văn H nhưng khi thấy anh H và bạn của bị cáo là anh V cãi nhau, do nghĩ rằng tiếng động đánh nhau trước đó bị cáo nghe thấy là giữa anh H và anh V và để bênh

anh V nên bị cáo đã dùng gậy bi a đánh anh H với mục đích gây thương tích cho anh H, cảnh cáo anh H. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguy hiểm cho xã hội nên cần được nghiêm trị. Tuy nhiên, bị cáo đã bồi thường được một phần thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, cần được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có nơi thường trú rõ ràng, thương tích mà bị cáo gây cho bị hại có tỷ lệ thương tổn cơ thể thấp, nên Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Kiểm sát viên về loại hình phạt là phù hợp, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999, vừa thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo, đồng thời cũng đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong lĩnh vực phòng chống tội phạm. Do bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập cố định và sống phụ thuộc vào gia đình nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận của bị cáo, bị hại về bồi thường thiệt hại do bị cáo đã gây thương tích cho bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật, cần ghi nhận thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tại các điều 357, 468, 584, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về ý kiến của người có quyền lợi liên quan đến vụ án là không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do đã làm hỏng chiếc gậy bi a của mình mà bị cáo đã tự ý sử dụng để gây thương tích cho bị hại, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận ý kiến này.

[5] Về vật chứng: Đoạn gậy bi a mà bị cáo dùng gây thương tích cho bị hại do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; do trước khi mở phiên tòa, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại, bị cáo đã bồi thường được một phần, còn phải bồi thường tiếp phần còn lại cho bị hại và phải trả lãi nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại trong bản án, nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

[7] Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 104, các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T1 phạm tội Cố ý gây thương tích;

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T1 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Hoàng Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã VT, huyện QB, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo Hoàng Văn T1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã VT, huyện QB, tỉnh Hà Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hoàng Văn T1;

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 và các điều 357, 468, 584, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là mức bồi thường thiệt hại do bị cáo đã gây thương tích cho bị hại là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng); vì bị cáo đã bồi thường cho bị hại được 5.000.000đ (năm triệu đồng) nên bị cáo còn phải bồi thường tiếp 8.000.000đ (tám triệu đồng) cho bị hại là anh Lý Văn H.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

Về vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây bị a bằng gỗ, dài 73cm, hai đầu màu vàng nhạt, giữa màu đen, đầu lớn có chu vi 10cm, đầu nhỏ có chu vi 07cm (*chi tiết vật chứng thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Quang Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình ngày 02/5/2018*);

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a, điểm f, điểm g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hoàng Văn T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thập

Hoàng Văn Chính

Trần Thị Mai Hồng

